

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA VANG
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 17/11/2023.

V/v: Ly hôn và tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Phú Đạt.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Ngô Hồng Khánh.**

Ông **Cao Văn Truyền.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Đình Nam** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nghiệp** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 89/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2023/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2023; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Ngô Thị Thanh T**, sinh năm: 1971; Địa chỉ: Thôn Q 1, xã H, huyện H, thành phố Đ. Có mặt

- Bị đơn: Ông **Bùi N**, sinh năm: 1971; Địa chỉ: Thôn Q 1, xã H, huyện H, thành phố Đ. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Ngô Thị Thanh T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Bùi N sống chung với nhau từ năm 1992, đến năm 2006 thì kết hôn trên cơ sở tự nguyện đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Nhưng đến năm 2013, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn tin tưởng, yêu thương nhau, chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay tôi xác định không còn tình cảm với ông N nên đề nghị Tòa án cho ly hôn với ông N.

- Về quan hệ con chung: Bà Ngô Thị Thanh T xác định có 02 con chung gồm: Bùi Văn S, sinh ngày: 02/9/1994; Bùi Thị Tú Tr, sinh ngày: 18/3/2006. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, bà Ngô Thị Thanh T có nguyện vọng trực tiếp nuôi

dưỡng cháu Bùi Thị Tú Tr và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Bùi Văn S đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** *Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Bùi N nhưng ông N không liên hệ làm việc với Tòa án nên không có lời trình bày.***

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng những quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Thanh T. Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Tuyên xử: Cho bà Ngô Thị Thanh T được ly hôn ông Bùi N. Về con chung: Đề nghị HĐXX giao con chung Bùi Thị Tú Tr, sinh ngày: 18/3/2006 cho bà Ngô Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Bùi N không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí HNGĐST: Bà bà Ngô Thị Thanh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà bà Ngô Thị Thanh T khởi kiện bị đơn ông N về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”*, bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại thôn Quan Nam 1, xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Vì vậy, tranh chấp về hôn nhân gia đình này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông N đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại UBND xã Hoà Liên, huyện Hoà Vang, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện phù hợp với quy định pháp luật nên được công nhận và bảo vệ. Bà T xác định nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn tin tưởng, yêu thương nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay bà T xác định không còn tình cảm với ông N nên đề nghị Tòa án cho ly hôn. HĐXX xét thấy: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Bùi N nhưng ông N không liên hệ làm việc với Tòa án nên không có lời trình bày. Tại phiên tòa, bà T xác định không còn tình cảm với ông N nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Tiến hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn tại địa phương kết quả thể hiện: *“Trong quá trình sống chung, ông N thường xuyên sử dụng bia rượu không quan tâm chăm lo đến vợ con, vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm”*. Như vậy có đủ cơ sở để khẳng định mâu thuẫn giữa vợ chồng ông N, bà T đã trầm trọng, cuộc sống

chung không thể kéo dài, mục đích cuộc hôn nhân không đạt được. Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của bà Ngô Thị Thanh T đối với ông Bùi N.

[2.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông N và bà T có 02 người con chung trong đó có 01 con chung đã đủ 18 tuổi nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Đối với con chung là Bùi Thị Tú Tr, bà T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung. HĐXX thấy rằng: Hiện nay cháu Tr đang sinh sống, học tập ổn định với bà T, nguyện vọng cháu Tr cũng muốn sinh sống với mẹ. Hơn nữa ông N thường xuyên sử dụng bia rượu không quan tâm chăm lo đến vợ con. Vì vậy, HĐXX thấy cần thiết phải tiếp tục giao con chung là Bùi Thị Tú Tr cho bà Ngô Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang tại phiên tòa là có căn cứ. Ông Bùi N không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ngô Thị Thanh T không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đề cập.

[3] Án phí Hôn nhân gia đình: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà Ngô Thị Thanh T phải chịu theo quy định của pháp luật nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000337 ngày 14/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang. Bà Ngô Thị Thanh T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 118 Luật Hôn nhân gia đình, Điều 147, 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Thanh T đối với ông Bùi N về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*".

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Ngô Thị Thanh T được ly hôn với ông Bùi N.
2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Bùi Thị Tú Tr, sinh ngày: 18/3/2006 cho bà Ngô Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Bùi N không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung, các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ngô Thị Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí HNGĐ-ST là: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà Ngô Thị Thanh T phải chịu theo quy định của pháp luật nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng

(Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000337 ngày 14/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang. Bà Ngô Thị Thanh T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm..

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- UBND xã Hòa Liên;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Phú Đạt

